

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 15/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (viết tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) ngày 24/6/2021 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (viết tắt là Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH).

Theo đó, tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định: “*Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này...*”; tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH và Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH ngày 20/7/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đính chính kỹ thuật Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 quy định Ủy ban nhân dân tỉnh “*Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bằng hoặc cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP...*”.

Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, đời sống của một số đối tượng được hưởng chính sách bảo trợ xã hội gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/7/2021, Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 08/8/2021 và các chính sách được thực hiện từ ngày 01/7/2021. Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang có ý nghĩa hết sức quan trọng,

cấp thiết và tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đến các đối tượng được thụ hưởng một cách đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, ổn định tình hình chung của Tỉnh, phục vụ hiệu quả tiến trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách của Đảng và Nhà nước về trợ giúp xã hội, nhằm bảo đảm quyền an sinh cho đối tượng hưởng lợi, từng bước nâng cao chất lượng chính sách, không ngừng nâng cao đời sống Nhân dân, gắn thành quả phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, trong đó chú trọng các đối tượng chính sách xã hội yếu thế.

b) Việc xây dựng mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội làm cơ sở triển khai chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Tỉnh, đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội được công khai, minh bạch, việc sử dụng, quản lý đúng định mức, tiêu chuẩn theo quy định.

c) Làm cơ sở cho cơ quan, đơn vị lập dự toán, phân bổ kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước về thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

a) Việc xây dựng văn bản phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành. Chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định. Những nội dung không quy định trong Nghị quyết thì áp dụng theo quy định hiện hành.

b) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn Tỉnh phải phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của Tỉnh.

c) Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Được sự thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thực hiện việc xây dựng Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Dự thảo Nghị quyết đã gửi các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để lấy ý kiến tham gia rộng rãi, được tổng hợp ý kiến đóng góp, gửi Sở Tư pháp thẩm định ... đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang gồm có 04 Điều về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, nguồn kinh phí thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Đối tượng áp dụng: Các đối tượng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội:

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng.

- Mức trợ giúp xã hội thực hiện bằng mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Thời gian thực hiện mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

d) Nguồn kinh phí thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, TC, LĐTBXH;
- Lưu: VT. HN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



*Hỗ Thu Ánh

Số: 144 /BC-STP

Hậu Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1200/SLĐTBXH-BTXHTEBĐG ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Qua nghiên cứu dự thảo và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Cơ quan soạn thảo quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo cơ bản phù hợp với quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (được điều chỉnh tại Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đính chính kỹ thuật Thông tư số 02/2021/TT-LĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021); các văn bản pháp luật có liên quan và tình hình thực tế tại địa phương.

Riêng về đối tượng áp dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết là các “*Đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hậu Giang*”, được cụ thể hóa từ nhóm đối tượng của Chương V Nghị định số 20/2021/NĐ-CP “*đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội*”. Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện rà soát các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh, trường hợp có cơ sở trợ giúp xã hội nào khác ngoài “Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hậu Giang” thì đề nghị bổ sung cho phù hợp, nhằm đảm bảo các đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh đều được hỗ trợ theo quy định.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

a) Về căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành văn bản

Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định “*Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình*

Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”; điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH (được điều chỉnh tại Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH) quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh “Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bằng hoặc cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;...”.

Từ những cơ sở nêu trên, đồng thời, căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”, Sở Tư pháp nhận thấy việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết nêu trên là có cơ sở pháp lý và phù hợp thẩm quyền ban hành văn bản.

b) Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Việc xây dựng văn bản trên được thống nhất tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết. Theo đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và tổng hợp ý kiến góp ý theo quy định (Có tổng số 25 cơ quan, đơn vị góp ý: trong đó, 22 đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo và 03 đơn vị có ý kiến góp ý). Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cơ quan soạn thảo đã hoàn chỉnh dự thảo và gửi Sở Tư pháp thẩm định, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (thủ tục rút gọn theo Điều 148 của Luật).

c) Về nội dung văn bản

Sở Tư pháp cơ bản thống nhất với mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh tại nội dung dự thảo và đã góp ý trực tiếp một số nội dung vào dự thảo văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cho phù hợp. Ngoài ra, Sở Tư pháp còn có ý kiến sau:

- Về bố cục của dự thảo Nghị quyết, đề nghị điều chỉnh thành:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và nguồn kinh phí thực hiện

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân....”.

- Tại điểm d khoản 2 Mục IV dự thảo Tờ trình quy định nguồn kinh phí thực hiện “*Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*”. Tuy nhiên, tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định nguồn kinh phí thực hiện từ “*Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh*”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh nguồn kinh phí thực hiện cho phù hợp, thống nhất.

- Tại khoản 3 Công văn số 2394/STC-QLNS ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài chính về việc góp ý dự thảo Tờ trình và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, theo đó, Sở Tài chính góp ý “*để nghị đơn vị dự thảo có khái toán nguồn kinh phí ngân sách phải đảm bảo khi áp dụng mức chuẩn 360.000 đồng so với mức cũ 270.000 đồng và các đối tượng khác được quy định thì ngân sách phải đảm bảo bao nhiêu*”. Trên có sở đó, tại số thứ tự 12 Bản tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến đối với dự thảo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã “*Tiếp thu, dự thảo khái toán theo hướng dẫn*”. Tuy nhiên, trong hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định, cơ quan soạn thảo chưa gửi kèm Khái toán nguồn ngân sách phải đảm bảo, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị.

Trên cơ sở các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh đảm bảo nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị quyết phù hợp, thống nhất.

3. Ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp đã góp ý trực tiếp một số nội dung vào dự thảo văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, có sự điều chỉnh, đảm bảo ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật soạn thảo theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và từ khoản 13 đến khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đối với dự thảo Nghị quyết) và theo đúng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư (đối với dự thảo Tờ trình).

(Gửi kèm dự thảo đã góp ý)

Qua quá trình nghiên cứu, thẩm định dự thảo văn bản nêu trên, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo có sự điều chỉnh, bổ sung và hoàn chỉnh dự

thảo, đảm bảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Trên đây là báo cáo của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, kính gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT, P. VB&QLXLVPHCTL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Phương Quyên

Số: 144/BC-SLĐTBXH

Hậu Giang, ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2020 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Để có đủ cơ sở tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo đánh giá việc triển khai chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG THỜI GIAN QUA

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để thúc đẩy công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tập trung huy động mọi nguồn lực thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước. Đồng thời huy động nguồn lực chăm lo cho các đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo, hộ cận nghèo... góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Trong đó, một số chính sách định hướng được Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương ban hành làm cơ sở cho địa phương định hướng và cụ thể hóa các chính sách cho công tác an sinh xã hội như:

- Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội;
- Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội;
- Nghị quyết số 15-NQ-TW ngày 01/6/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020;
- Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai, thực hiện các nội dung sau:

- Phối hợp các sở, ban, ngành đoàn thể và UBND các cấp thực hiện công tác tuyên truyền nhằm giúp người dân hiểu được các chính sách về trợ giúp xã hội thông qua nhiều hình thức: đăng thông tin trên Báo Hậu Giang, Cổng thông tin điện tử của sở, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; phát trên hệ thống loa truyền thanh cấp huyện, cấp xã; thông qua các cuộc họp, hội nghị... Ngoài ra, còn in tài liệu tuyên truyền, các văn bản về chế độ, chính sách bảo trợ xã hội, gửi đến cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, cấp xã, các trường ấp, cán bộ hội, đoàn thể cấp xã... để biết, thực hiện, giám sát thực hiện chính sách.

- Ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn về công tác trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh, phối hợp với các ngành và địa phương triển khai chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua hệ thống bưu điện trên địa bàn tỉnh, nhằm đảm bảo thực hiện chính sách trợ giúp kịp thời, đúng đối tượng.

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra tình hình triển khai thực hiện chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng nhằm kịp thời chấn chỉnh những sai sót, hạn chế; tổng hợp đề xuất những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các địa phương về tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội.

- Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội; thường xuyên tập huấn cán bộ; kiểm tra, giám sát từ đó nhận thức của các ngành, các cấp và cộng đồng xã hội được nâng lên.

2. Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội

2.1. Trợ giúp xã hội tại cộng đồng và nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội

- Hiện nay mức chuẩn trợ cấp, trợ giúp xã hội của tỉnh Hậu Giang là 270.000 đồng/tháng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Năm 2016 tổng số đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 25.600 đối tượng, với kinh phí trên 108.000 triệu đồng, đến cuối năm 2020 toàn tỉnh đã thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng cho 32.593 đối tượng, với kinh phí thực hiện trên 147.280 triệu đồng. Trong đó: trợ cấp xã hội hàng tháng cho 27.626 đối tượng, kinh phí thực hiện 131.580 triệu đồng, nhận nuôi dưỡng chăm sóc tại cộng đồng 4.967 đối tượng, kinh phí thực hiện trên 15.700 triệu đồng;

- Nuôi dưỡng đối tượng tại cơ sở bảo trợ xã hội công lập 216 đối tượng, kinh phí thực hiện trên 2.830 triệu đồng;

- Hỗ trợ chi phí mai táng cho 2.091 trường hợp, kinh phí thực hiện 11.291,4 triệu đồng.

- Mua thẻ bảo hiểm y tế cho 25.357 đối tượng, kinh phí thực hiện trên 19.537 triệu đồng.

2.2. Chính sách đối với Người cao tuổi

- Trong năm 2021, thực hiện chúc thọ, mừng thọ 11.995 người cao tuổi tròn 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi nhân dịp tết Nguyên đán 2021, Ngày người cao tuổi Việt Nam (6/6), sinh nhật người cao (trong đó: có 759 người cao tuổi tròn 90 tuổi; 51 người cao tuổi tròn 100 tuổi), tổng kinh phí thực hiện gần 4.000 triệu đồng

- Đến nay, toàn tỉnh thực hiện trợ cấp thường xuyên cho 12.841 người cao tuổi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, với kinh phí thực hiện khoảng 4.000 triệu đồng/tháng, trong đó có 362 người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (*gọi tắt người cao tuổi cô đơn*).

2.3. Chính sách đối với Người khuyết tật

Tính tới thời điểm hiện nay, tỉnh Hậu Giang có 15.681 người khuyết tật đang hưởng trợ cấp cộng đồng; (trong đó có 5.043 đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng, 10.838 đối tượng khuyết tật nặng) và có 5.277 người nhận kinh phí chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng. Trung tâm công tác xã hội tỉnh đang chăm sóc và nuôi dưỡng 232 đối tượng Người khuyết tật đặc biệt nặng (khuyết tật thần kinh, tâm thần) và người lang thang xin ăn.

2.4. Hỗ trợ đột xuất

Tỉnh luôn quan tâm trợ giúp đột xuất kịp thời cho các trường hợp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và các lý do bất khả kháng khác để bảo đảm đời sống người dân, không để người dân nào bị đói, không có người dân nào không có nhà ở. Riêng trong năm 2020, toàn tỉnh có 230 trường hợp cá nhân, hộ gia đình cần trợ giúp khẩn cấp, tỉnh đã trợ giúp kịp thời 230 trường hợp (đạt tỷ lệ 100%), kinh phí 1.699 triệu đồng.

3. Đánh giá về chính sách

3.1. Thuận lợi

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, UBMTTQVN tỉnh và sự phối hợp thực hiện của các sở, ban ngành liên quan trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội; có sự phân công, phân cấp rõ ràng, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hơn, cộng đồng có trách nhiệm trong ban hành chính sách, hướng dẫn, bố trí nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đánh giá, nhất là ở địa phương, cơ sở, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời các sai sót và phát sinh mới.

- Từ cấp huyện, cấp xã đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: hàng năm rà soát, nắm đối tượng cần trợ giúp xã hội trên địa bàn; công tác xác định đối tượng và hướng dẫn xác định đối tượng trợ giúp xã hội dân chủ, công khai, minh bạch hơn, huy động được đại diện nhiều cơ quan, tổ chức, đoàn thể tham gia; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực; nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách và chương trình trợ giúp xã hội; tuyên truyền nâng cao nhận thức; giám sát và đánh giá. Một số địa phương tích cực chủ động huy động nguồn lực xã hội hóa để trợ giúp kịp thời trường hợp cần trợ giúp đột xuất như: người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác ... ngoài kinh phí quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP.

- Nhiều mô hình trợ giúp xã hội trong chăm sóc trẻ em, người khuyết tật, trợ giúp người cao tuổi do các địa phương thực hiện. Các tổ chức đoàn thể, xã hội cũng có nhiều chương trình xã hội nhân đạo, từ thiện trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội như chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; chương trình giáo dục chuyên biệt, hoà nhập; chương trình trợ giúp người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; chương trình hỗ trợ xe lăn, xe lắc...

- Trợ giúp xã hội đã góp phần quan trọng vào việc ổn định đời sống và hòa nhập cộng đồng cho hầu hết số đối tượng trợ giúp xã hội, đã giúp họ giảm bớt khó khăn và tự tin hơn trong cuộc sống.

3.2. Khó khăn, vướng mắc

- Trong những qua, Chính phủ đã nhiều lần nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội, gần nhất là theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, mức chuẩn trợ cấp xã hội là 270.000 đồng/tháng, tuy nhiên vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội, chỉ tương đương với 25kg gạo, bằng 20% mức lương cơ sở, chưa đáp ứng được nhu cầu cơ bản của đối tượng. Các chế độ, chính sách mới chỉ bảo đảm hỗ trợ được một phần các nhu cầu thiết yếu tối thiểu của đối tượng. Trong khi đó, từ năm 2013 đến nay mức lương cơ sở đã được điều chỉnh 4 lần; chuẩn nghèo thu nhập giai đoạn 2011-2015 là 400.000 đồng đối với khu vực nông thôn, 500.000 đồng đối với khu vực thành thị; giai đoạn 2016-2020 là 700.000 đồng đối với khu vực nông thôn và 900.000 đồng đối với khu vực thành thị.

- Cán bộ phụ trách công tác bảo trợ xã hội, nhất là ở cấp xã có nhiều thay đổi, đồng thời phải kiêm nhiệm quá nhiều công việc (Chuyên viên của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách ít nhất từ 02 lĩnh vực trở lên, có

nơi phụ trách gần 2/3 nhiệm vụ chuyên môn của Phòng; Công chức cấp xã phụ trách gần như hoàn toàn nhiệm vụ của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội) dẫn đến công tác rà soát, xét duyệt, quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, thẩm định hồ sơ, quản lý việc thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội ở một số địa phương còn dễ sai, sót. Đặc biệt là công tác xác định mức độ khuyết tật, công tác xét duyệt trợ giúp xã hội, công tác quản lý tình hình biến động của đối tượng để kịp thời tham mưu UBND cấp huyện quyết định thực hiện/điều chỉnh/thôi trợ cấp tại một số địa phương có lúc còn chưa chính xác, kịp thời.

- Loại hình cơ sở trợ giúp xã hội, quy mô tiếp nhận chăm sóc còn ít, nên các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội, có nhu cầu vào sống trong các cơ sở trợ giúp xã hội nhưng chưa được tiếp nhận (trừ các đối tượng người khuyết tật thần kinh, tâm thần; người lang thang xin ăn; trẻ em từ 06 đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng).

- Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã một số đơn vị còn lúng túng trong xác định dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật cho người khuyết tật, bên cạnh đó, một số địa phương còn chưa quan tâm bố trí kinh phí cho hoạt động này, nhất là kinh phí đưa các trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã không xác định được phải chuyển lên Hội đồng Giám định y khoa tỉnh thực hiện. Từ đó, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp cho người khuyết tật.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Lý do đề xuất

- Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định: *Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định “Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”*

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội bằng mức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

- Mặc dù hiện nay giá tiêu dùng, dịch vụ ngày càng tăng, xã hội ngày càng phát triển, mức sống của người dân được nâng lên, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh năm 2020 là 3.974 nghìn đồng/tháng. Thực tế cho thấy người có hoàn cảnh khó khăn là đối tượng yếu thế còn chịu nhiều thiệt thòi trong cuộc sống vì họ có thu nhập thấp hoặc không tạo ra thu nhập mà phải sống phụ thuộc vào người khác, điều kiện sống khó khăn, đôi khi ít có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, mức trợ giúp xã hội được nâng lên sẽ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội tiếp cận dịch vụ xã hội càng thuận lợi hơn. Tuy nhiên, hiện

nay ngân sách tỉnh chưa đảm bảo nguồn lực bố trí cho trợ giúp xã hội, nhất là trong tình hình dịch bệnh Covid - 19 hiện nay đang diễn biến phức tạp.

- Vì vậy, việc đề xuất mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội bằng với mức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP trong tình hình hiện nay là phù hợp, nhằm kịp thời và đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho người có hoàn cảnh khó khăn, đáp ứng các mục tiêu về việc bảo đảm an sinh xã hội đối với người dân mà Đảng và Nhà nước đặt ra.

2. Nội dung đề xuất

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2020 của Chính phủ và các đối tượng khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, cụ thể như sau:

a. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là: 360.000 đồng/tháng.

b. Mức trợ giúp xã hội thực hiện bằng mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Trên đây là báo cáo đánh giá việc triển khai chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- Ban VH-XH, Ban KT-NS, HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, BTXHTE&BDG (09).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Phú Cường